

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Raglai cấp Tiểu học

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ Quy định về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên; Nghị định số 96/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Raglai cấp Tiểu học.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Raglai cấp Tiểu học.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2026.

Điều 3. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục phổ thông, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHXH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục KTVB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Q. Bộ trưởng (đề b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Các đơn vị thuộc Bộ GDĐT;
- Như Điều 3;
- Công báo CP; Công PLQG; CSDLQG về VBPL;
- Công TTĐT của Chính phủ;
- Công TTĐT của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, GDPT (05b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Ngọc Thương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
MÔN TIẾNG RAGLAI

CẤP TIỂU HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số **14**./2026/TT- BGDĐT
ngày **18** tháng **3** năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Hà Nội, 2026

MỤC LỤC

	Trang
I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC	3
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	3
III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	4
IV. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH.....	4
V. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	5
VI. NỘI DUNG GIÁO DỤC	10
VII. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC	24
VIII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	29
IX. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	30
X. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	32
XI. DANH MỤC TÀI LIỆU GỢI Ý LỰA CHỌN LÀM NGŨ LIỆU.....	34

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

1. Môn Tiếng Raglai là môn học tự chọn, thuộc lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ, được học từ lớp 1 đến lớp 5 (cấp tiểu học) nhằm đáp ứng sự lựa chọn của học sinh người Raglai và các dân tộc khác mong muốn học tiếng Raglai nhằm nâng cao năng lực ngôn ngữ và giáo dục, bảo tồn văn hóa Raglai.

2. Môn Tiếng Raglai có mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ (tiếng Raglai) thông qua các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, (trong đó chú trọng kỹ năng đọc, viết) cho học sinh để giúp học sinh có phương tiện giao tiếp trong cộng đồng người Raglai và mở rộng khả năng tiếp nhận tri thức cho người học.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình môn Tiếng Raglai tuân thủ các quy định cơ bản được nêu trong Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (sau đây gọi là Chương trình giáo dục phổ thông). Chương trình được xây dựng trên cơ sở lí luận và thực tiễn, cập nhật thành tựu nghiên cứu khoa học tâm lí, ngôn ngữ, giáo dục.

2. Chương trình lấy việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe) làm trục chính xuyên suốt cấp tiểu học, đồng thời tích hợp kiến thức ngôn ngữ với tri thức văn hóa Raglai, qua đó góp phần hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực toàn diện cho học sinh.

3. Chương trình được xây dựng theo hướng mở, thể hiện ở việc không quy định chi tiết về nội dung dạy học mà chỉ quy định những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe cho mỗi lớp học; quy định một số kiến thức cơ bản về tiếng Raglai.

4. Chương trình vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới, vừa chú trọng kế thừa và phát huy những ưu điểm môn Ngữ văn (Tiếng Việt cấp tiểu học) và chương trình các tiếng dân tộc thiểu số khác đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5. Chương trình đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật; không có định kiến dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, giới, lứa tuổi và địa vị xã hội.

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Môn Tiếng Raglai giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể như: yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có ý thức đối với cội nguồn; yêu cái đẹp, cái thiện và có cảm xúc lành mạnh; có hứng thú học tập, ham thích lao động; thật thà, ngay thẳng trong học tập và đời sống; có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, xã hội và môi trường xung quanh; bồi dưỡng tinh thần đoàn kết dân tộc và ý thức công dân Việt Nam; góp phần bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa Raglai.

Giúp học sinh bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ nói và nghe với mức độ căn bản; đọc đúng, lưu loát trôi chảy văn bản, hiểu được nội dung, thông tin chính của văn bản; viết đúng chính tả, ngữ pháp của tiếng Raglai; viết được một số câu, đoạn văn ngắn; phát biểu rõ ràng; nghe hiểu ý kiến người nói.

Phát triển năng lực văn học với yêu cầu phân biệt được bài văn xuôi, văn vần, tục ngữ, thành ngữ, ... tiếng Raglai. Hiểu và biết xúc động trước cái đẹp, cái thiện của con người và thế giới xung quanh được thể hiện trong các văn bản văn học.

IV. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

1. Cấu trúc

Cấu trúc chương trình môn Tiếng Raglai được thiết kế cho 5 lớp (từ lớp 1 đến lớp 5 cấp tiểu học).

2. Thời lượng chương trình

- Tổng thời lượng: 350 tiết
- Thời lượng cho mỗi năm học: 70 tiết

3. Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục



- Thời lượng phân bố các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe ở từng lớp:

Lớp	Đọc	Viết	Nói & nghe	Kiến thức tiếng Raglai
Lớp 1	60%	15%	20%	5%
Lớp 2	50%	20%	20%	10%
Lớp 3	50%	25%	15%	10%
Lớp 4	45%	25%	15%	15%
Lớp 5	40%	25%	15%	20%

V. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu đạt về năng lực chung:

Trong chương trình tiếng Raglai phổ thông cấp tiểu học, năng lực giao tiếp của người học không dừng lại ở việc thành thạo kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, mà còn yêu cầu học sinh biết sử dụng ngôn ngữ linh hoạt trong các ngữ cảnh sinh hoạt cộng đồng. Học sinh cần đạt được khả năng lựa chọn từ ngữ, ngữ điệu phù hợp khi giao tiếp với các đối tượng khác nhau (người lớn tuổi, thầy cô, bạn bè), thể hiện sự tinh tế và tôn trọng đặc trưng trong văn hóa tộc người.

Về ứng xử văn hóa, yêu cầu cần đạt nhấn mạnh vào việc hiểu và thực hành các giá trị truyền thống thông qua ngôn ngữ. Học sinh cần biết cách chào hỏi, thưa gửi và thực hành các nghi thức giao tiếp phù hợp với phong tục Raglai. Đồng thời, trang bị kiến thức vững chắc về văn hóa để học sinh tự tin giới thiệu, chia sẻ về di sản văn hóa như nhạc cụ dân tộc, các lễ hội truyền thống hay sử thi Raglai bằng chính tiếng mẹ đẻ. Mục tiêu là giúp học sinh hình thành niềm tự hào dân tộc, ý thức bảo tồn bản sắc và trở thành những "sứ giả" văn hóa ngay trong cộng đồng mình.

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Tiếng Raglai góp phần hình thành, phát triển ở học sinh những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, lớp học

đã được quy định tại Chương trình tổng thể Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

3. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Tiếng Raglai là năng lực ngôn ngữ Raglai với các kỹ năng cơ bản về đọc, viết, nói và nghe, trong đó tập trung vào hai kỹ năng đọc và viết. Trên cơ sở các bài học và thông qua thực hành ngôn ngữ, môn học cung cấp cho học sinh kiến thức cơ bản về tiếng Raglai, những hiểu biết về con người, văn hóa Raglai và các dân tộc khác ở Việt Nam; hình thành thái độ học tập tích cực đối với tiếng Raglai; bồi dưỡng tình cảm trân trọng và ham thích tìm hiểu ngôn ngữ, văn hoá Raglai.

a) Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ Raglai

* ĐỌC

Yêu cầu chung: đọc đúng, rõ ràng, mạch lạc các từ ngữ và văn bản được học; hiểu nội dung bài đọc ở mức đơn giản.

Yêu cầu cụ thể:

- Giai đoạn 1 gồm lớp 1,2,3 (đọc trơn hoặc nhận diện âm tiết):

Nhận biết được hệ thống kí hiệu chữ viết, chữ số, đọc và hiểu đúng các từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng.

- Giai đoạn 2 gồm lớp 4,5 (đọc văn bản, đoạn văn, đoạn thơ):

+ Đọc đúng, rõ ràng, mạch lạc các văn bản, đoạn văn xuôi, văn vần có độ dài khoảng 100 - 120 chữ với văn bản truyện, 70 - 80 chữ với văn bản thông tin, thơ; tốc độ đọc 60 - 70 chữ/phút; biết cách ngắt nghỉ sau các cụm từ và dấu câu.

+ Bước đầu biết đọc thầm, đọc lướt, đọc diễn cảm đoạn văn bản ngắn.

+ Trả lời được câu hỏi về nội dung của văn bản và bài học rút ra từ văn bản.

Tim được ý chính của đoạn văn, đoạn thơ.

+ Đọc thuộc một số đoạn văn bản đã học có độ dài khoảng 40 - 50 chữ.

* VIẾT

Yêu cầu chung:

- Viết đúng theo mẫu chữ và cỡ chữ nhỏ và nhỏ; chữ viết rõ ràng, đủ nét.
- Viết được một số từ ngữ, câu đơn giản theo các hình thức nhìn - viết, nghe - viết.
- Viết được 4 - 5 câu đúng chính tả, đúng ngữ pháp.

Yêu cầu cụ thể:

Kỹ thuật viết

- Giai đoạn 1 gồm lớp 1,2,3:
 - + Viết đúng mẫu chữ theo cỡ chữ nhỏ và nhỏ; chữ viết rõ ràng, đủ nét.
 - + Viết từ trái sang phải.
- Giai đoạn 2 gồm lớp 4,5:
 - Viết đúng các âm, vần, từ, cụm từ đã học.
 - Viết đúng chính tả đoạn văn, thơ có độ dài khoảng 30 - 40 chữ đã học theo hình thức nhìn viết (tập chép) hoặc nghe - viết.

Thực hành viết

- Giai đoạn 1 gồm lớp 1,2,3: Điền được từ, cụm từ vào chỗ trống trong câu văn, đoạn văn.
- Giai đoạn 2 gồm lớp 4,5: Viết được đoạn văn ngắn (4 - 5 câu) giới thiệu về bản thân, cảnh vật, văn hóa Raglai dựa vào các câu hỏi gợi ý.

* NÓI

Yêu cầu chung:

Biết trình bày ý kiến tương đối rõ ràng, tự tin; biết sử dụng lời nói, cử chỉ, thích hợp; biết tôn trọng các ý kiến trao đổi; biết giới thiệu về bản thân, gia đình, cộng đồng, nhà trường,...

Yêu cầu cụ thể:

- Giai đoạn 1 gồm lớp 1, 2, 3:

+ Biết nói và đáp lời chào hỏi khi gặp mặt, chia tay; cảm ơn, xin lỗi; yêu cầu; tự giới thiệu, kể chuyện,...

+ Bước đầu biết phát biểu, trình bày ý kiến trước nhóm học tập, tổ, lớp.

- Giai đoạn 2 gồm lớp 4, lớp 5:

+ Nói rõ ràng, mạch lạc và bước đầu nói có diễn cảm.

+ Biết trình bày ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin; sử dụng lời nói, cử chỉ thích hợp.

+ Bước đầu biết phát biểu ý kiến trong thảo luận nhóm, sinh hoạt tổ, lớp. Biết thể hiện sự tôn trọng người đối thoại, lịch sự trong nói năng.

+ Kể lại được một câu chuyện có nội dung đơn giản đã đọc, đã nghe.

*** NGHE**

Yêu cầu chung: Nghe và nhắc lại được những nội dung chính từ lời nói của người khác.

Yêu cầu cụ thể :

- Giai đoạn 1 gồm lớp 1, 2, 3:

+ Nghe và nhận biết được sự tương ứng âm - chữ.

+ Nghe và hiểu được nghĩa của các từ khóa, từ ứng dụng và câu ứng dụng.

+ Nghe hiểu được câu chuyện có nội dung đơn giản, gần gũi.

- Giai đoạn 2 gồm lớp 4, lớp 5:

+ Nghe và hiểu được ý chính của văn bản đơn giản.

b) *Yêu cầu cần đạt về năng lực văn học*



Phân biệt được loại văn bản văn xuôi và văn vần, hiểu được nội dung văn bản và thái độ, tình cảm của người viết. Bước đầu hiểu được ý nghĩa và cách dùng một số yếu tố hình thức của văn bản văn học (nhân vật, cốt truyện, văn thơ, ...)

c) Yêu cầu cần đạt về kiến thức tiếng Raglai

- Ngữ âm và chữ viết:

+ Nhớ được Bảng chữ cái tiếng Raglai trong sự tương ứng với ngữ âm.

+ Nắm được quy tắc chính tả; viết đúng những từ ngữ có chứa các vần khó trong tiếng Raglai, những từ ngữ dễ viết sai do ảnh hưởng phương ngữ.

- Từ vựng:

+ Hiểu được nghĩa của các từ ngữ thường gặp trong đời sống và cách dùng; từ đồng nghĩa, trái nghĩa; từ đa nghĩa; từ ngữ vay mượn và liên hệ tập hợp vốn từ theo các chủ điểm: nhà trường; gia đình; thiên nhiên; quê hương đất nước; lao động sản xuất; thời gian trong năm; từ ngữ chỉ số đếm, số từ, số thứ tự; từ ngữ về ngành nghề ở địa phương, về văn hóa, lễ hội, phong tục tập quán,...

- Ngữ pháp: nắm được một số quy tắc ngữ pháp tiếng Raglai, cấu tạo các kiểu câu, cấu trúc câu, dấu câu.

- Phong cách ngôn ngữ trong văn bản văn học: nắm được một số phương tiện tu từ: nhân hóa, vật hóa, ẩn dụ, hoán dụ và biện pháp tu từ so sánh, nói giảm, nói tránh.

+ Hoạt động giao tiếp: một số biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa,...); nghi thức lời nói: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, chia tay; yêu cầu,...; một số cách nói trong những hoàn cảnh và mục đích giao tiếp khác nhau.

+ Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ: sự vay mượn, từ ngữ mới, nghĩa mới của từ ngữ, phương ngữ.

d) Yêu cầu cần đạt về kiến thức văn hóa Raglai

Có hiểu biết ban đầu về một số chủ đề văn hóa Raglai thông qua ngữ liệu:

- + Quan hệ xã hội: gia đình, thôn làng, đất nước, ...
- + Nhà trường.
- + Lao động sản xuất, kĩ thuật canh tác và nghề truyền thống.
- + Văn nghệ: dân ca; ca múa dân gian; nhạc cụ dân tộc, ...
- + Văn nghệ dân gian: truyện cổ; phong tục, lễ hội; trò chơi dân gian, ...
- + Ẩm thực (một số món ăn, thức uống truyền thống); trang phục truyền thống
- + Chợ phiên.
- + Y tế và giáo dục.
- + Kiến trúc nhà ở; đồ dùng sinh hoạt, công cụ lao động sản xuất, ...
- + Truyền thống lịch sử: một số địa danh và nhân vật lịch sử của dân tộc Raglai và Tổ quốc Việt Nam.
- + Tri thức địa phương về: chăm sóc sức khỏe, phòng tránh thiên tai, canh nông, chăn nuôi, ...

VI. NỘI DUNG GIÁO DỤC

LỚP 1

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>I. ĐỌC</p> <p>1. Kĩ thuật đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngồi (hoặc đứng) thẳng lưng; sách hoặc vở mở rộng trên mặt bàn (hoặc trên hai tay); giữ khoảng cách giữa mắt với sách, vở khoảng 25cm. - Đọc đúng, chính xác các âm, “tiếng” (gồm chữ cái phụ âm đầu và 1 chữ cái nguyên âm), từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng trong từng bài học. - Thuộc bảng chữ cái tiếng Raglai, thuộc 10 chữ số (từ 1 - 10). 	<p>KIẾN THỨC TIẾNG RAGLAI</p> <p>1. Ngữ âm và chữ viết: Bảng chữ cái Tiếng Raglai gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 26 chữ cái: a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, ơ, p, q, r, s, t, u, v, w, j, y, z. - Trong 26 chữ cái, có 6 chữ cái phát âm khác với Tiếng Việt, là các chữ cái: c, d, j, w, y, z.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>2. Đọc hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của từ, câu ứng dụng. - Nhận biết được hình dáng và cách đọc các con chữ: giống và khác nhau giữa các con chữ - Liên hệ được tranh minh họa với từ ngữ. <p>3. Đọc mở rộng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong một năm học, học đọc được một số câu ngắn, có độ dài từ 5-7 chữ. - Học thuộc lòng một số câu ngắn, văn vần, tục ngữ, thành ngữ có độ dài khoảng từ 5-7 chữ. <p>II. VIẾT</p> <p>1. Kỹ thuật viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết ngồi viết đúng tư thế: ngồi thẳng lưng; hai chân đặt vuông góc với mặt đất; một tay úp đặt lên góc vở, một tay cầm bút; không tì ngực vào mép bàn; khoảng cách giữa mắt và vở khoảng 25cm; cầm bút bằng ba ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa). - Viết đúng chữ viết thường (chữ ghi âm, chữ ghi tiếng, chữ ghi từ, chữ số Raglai). - Viết đủ, đúng nét các chữ cái mới học - Viết đúng cỡ chữ nhỏ. - Viết đúng chính tả: các âm, các từ ngữ. Tốc độ viết khoảng 2 dòng trong 10 phút. <p>2. Thực hành viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết chữ cái/ âm, tiếng, từ ngữ mới học, biết cách ghép các chữ cái để ghi từ ngữ, câu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các chữ cái phụ âm đầu là chữ cái đơn, gồm 19 chữ cái: b, c, d, đ, g, h, j, k, l, m, n, p, r, s, t, v, w, y, z. - Chữ cái q không ở phụ âm đầu, chủ yếu xuất hiện ở vị trí phụ âm cuối đơn hoặc tổ hợp. - Các chữ cái phụ âm đầu là chữ cái ghép (29 chữ cái phụ âm): ch, bh, gh, dh, kh, bl, dl, hl, mh, ng, nh, ph, pl, cr, dr, kr, pr, br, gr, sr, th, tr, tl, vr, vh, vl, jr, zh, zr. - Chữ cái phụ âm cuối vẫn gồm: 9 chữ cái phụ âm đơn: d, h, k, q, l, m, n, r, t và 7 chữ cái phụ âm ghép: qh, qt, qd, ng, ngt, mt, nt - Cấu tạo tiếng: Tiếng gồm chữ cái phụ âm đầu và 1 chữ cái nguyên âm (ca, lu, pa, di, sa, ...) <p>2. Từ ngữ theo chủ điểm: bản thân, nhà trường, gia đình, thiên nhiên</p> <p>Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, tính chất (màu sắc, kích cỡ); số đếm của tiếng Raglai.</p>



Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>III. NÓI VÀ NGHE</p> <p>1. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng, rõ các chữ cái tiếng Raglai. Lưu ý các chữ cái đọc đặc biệt. - Nói được từ ngữ, câu theo tranh minh họa trong bài học. - Biết dùng các từ ngữ xưng gọi phù hợp. <p>2. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thói quen chú ý khi nghe người khác nói. - Nghe hiểu nghĩa từ khóa, từ ứng dụng, cụm từ, câu ứng dụng trong bài học. <p>3. Nói - Nghe tương tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe. - Biết thể hiện sự tương tác lịch sự. - Biết đặt câu hỏi, kể... trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. 	<p>KIẾN THỨC VĂN HÓA</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Một số nét văn hóa đặc trưng qua từ ngữ chỉ tên riêng hay các đồ vật thuộc văn hóa của dân tộc Raglai. Xung hô, chào hỏi trong giao tiếp gia đình và các phép lịch sự. 2. Một số vật nuôi quen thuộc trong gia đình người Raglai. <p>NGŨ LIỆU</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các từ ngữ, câu đơn giản liên quan đến bài học. 2. Hình ảnh: đồ vật, con vật, người, cảnh vật,... quen thuộc với người Raglai.

LỚP 2

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>I. ĐỌC</p> <p>1. Kỹ thuật đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng và rõ ràng các chữ ghi vần gồm 1 chữ cái nguyên âm + chữ cái phụ âm cuối vừa học. - Đọc đúng và rõ ràng các từ khóa, từ ngữ ứng dụng, câu ứng dụng trong từng bài học. - Biết đọc thầm vần, từ khóa, từ ngữ ứng dụng, câu ứng dụng trong bài học. 	<p>KIẾN THỨC TIẾNG RAGLAI</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngữ âm và chữ viết: <ul style="list-style-type: none"> - Vần và cấu tạo vần trong tiếng Raglai: dạng vần gồm 1 chữ cái nguyên âm + chữ cái phụ âm cuối; (71 vần): ad, ah, aqh, aqt, aqd, ang; ek, eq, eqh, eqt, eqd, eng, ...

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>2. Đọc hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của từ ngữ, câu ứng dụng trong từng bài học. - Nhận biết được sự giống và khác nhau giữa các vần chỉ có 1 chữ cái nguyên âm và vần gồm 1 chữ cái nguyên âm + chữ cái phụ âm cuối. - Liên hệ được tranh minh họa với từ ngữ. <p>3. Đọc mở rộng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong một năm học, học đọc được một số câu ngắn có độ dài khoảng từ 7 - 10 chữ. - Học thuộc lòng một số câu ngắn. <p>II. VIẾT</p> <p><i>Kỹ thuật viết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng kích cỡ chữ nhỏ. - Viết đúng chính tả: âm, vần, từ ngữ. Tốc độ viết khoảng 3 dòng trong 10 phút. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo “tiếng” trong tiếng Raglai gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Tiếng khuyết chữ cái phụ âm đầu, chỉ có vần (ad, eh, ea, ...). + Tiếng gồm chữ cái phụ âm đầu + vần (gồm 1 chữ cái nguyên âm + chữ cái phụ âm cuối): ikad (con cá); cawad (chén); huzad (mưa), palad (bàn tay); ngaqt (làm), anaqd (con), manuqt (gà), ... 2. Từ ngữ theo chủ điểm: nhà trường, gia đình, thiên nhiên, quê hương. - Từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, tính chất;
<ul style="list-style-type: none"> - Viết được 2-3 từ ngữ ứng dụng- từ ngữ chứa vần đã học - theo yêu cầu. - Viết đúng một số từ ngữ để viết sai do phát âm theo phương ngữ. - Điền được phần thông tin còn trống dưới tranh. <p>2. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói. Bước đầu biết hỏi hoặc trao đổi về những gì chưa rõ khi nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> từ xung hô trong hoạt động giao tiếp ở gia đình, cộng đồng, trường học, từ ngữ chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, yêu cầu, đề nghị,... <p>KIẾN THỨC VĂN HÓA</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở truyền thống của người Raglai. - Tên gọi của những đồ vật quen thuộc trong gia đình người Raglai.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>- Nghe được những nội dung quan trọng từ lời nói của người đối thoại.</p> <p>- Bước đầu biết nêu cảm nhận đơn giản về nội dung được nghe.</p> <p>3. Nói-nghe tương tác</p> <p>- Bước đầu biết phát biểu ý kiến trong thảo luận nhóm, trong sinh hoạt tổ, lớp.</p> <p>- Chú ý lắng nghe người khác, biết bày tỏ ý kiến trong hội thoại không nói chen ngang khi người khác đang nói.</p>	<p>- Âm thực truyền thống: những đồ ăn thức uống quen thuộc của người Raglai.</p> <p>NGŨ LIỆU</p> <p>- Các từ khóa, từ ngữ ứng dụng, câu ứng dụng thông dụng, gán gũ, có ý nghĩa tích cực, mang tính giáo dục cao, phù hợp với học sinh lớp 2.</p> <p>- Hình ảnh: đồ vật, cảnh vật, tình huống, ... quen thuộc và gắn bó với cộng đồng của người Raglai.</p>

LỚP 3

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>I. ĐỌC</p> <p>1. Kỹ thuật đọc</p> <p>- Đọc đúng và rõ ràng các từ khóa, từ ngữ ứng dụng, câu, bài đọc ứng dụng trong từng bài học.</p> <p>- Bước đầu biết đọc thầm.</p> <p>2. Đọc hiểu</p> <p>- Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung của từ ngữ ứng dụng, bài đọc ứng dụng.</p> <p>- Nhận biết được sự giống nhau và khác nhau giữa câu văn xuôi, câu văn vần, tục ngữ, câu đố, ...</p>	<p>KIẾN THỨC TIẾNG RAGLAI</p> <p>1. Ngữ âm và chữ viết: Tiếp tục giới thiệu hệ thống vần trong tiếng Raglai:</p> <p>- Vần gồm 2,3 chữ cái nguyên âm kết hợp với chữ cái phụ âm cuối: + aot, iad, iak, iaq...; malaot (đêm), apok pitiad (gia tộc), tingiaq (hỏi).</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>- Liên hệ được tranh minh họa hay đồ vật với từ ngữ.</p>	
<p>3. Đọc mở rộng</p> <p>- Đọc được một số câu ngắn (tục ngữ, thành ngữ, câu đố, ...) có độ dài khoảng từ 10-15 chữ.</p> <p>- Học thuộc một số câu ngắn (tục ngữ, thành ngữ, ...) có độ dài khoảng từ 10-15 chữ.</p> <p>II. VIẾT</p> <p>1. Kỹ thuật viết</p> <p>- Viết đúng kích cỡ chữ nhỏ.</p> <p>- Viết đúng các từ ngữ, đoạn văn đã học.</p> <p>- Viết thành thạo chữ viết thường; viết đúng chữ viết hoa.</p> <p>- Viết đúng tên người, tên địa danh Raglai.</p> <p>- Viết đúng một số từ ngữ dễ viết sai do phát âm của phương ngữ; viết đúng chính tả văn bản có độ dài khoảng 20 - 25 chữ theo hình thức nghe viết. Tốc độ viết tối thiểu 20 - 25 chữ trong 15 phút.</p> <p>- Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.</p> <p>2. Viết câu, đoạn văn ngắn</p> <p>- Viết từ, câu, đoạn văn ngắn (2 - 3 câu) dựa vào gợi ý.</p> <p>- Điền được từ ngữ phù hợp vào chỗ trống trong câu dưới tranh; dựa vào tranh, viết tiếp để hoàn thành câu.</p>	<p>+ eit, iaot, uait, ueit, ... (ueit (vui), sakiaot (tranh thủ), guait (vót), đuaít (chạy), pruaít (ruột), bueít (dễ), ...</p> <p>- Tiếng gồm các loại:</p> <p>+ Tiếng đầy đủ: chữ cái phụ âm đầu + bộ phận vần (gồm 2 chữ cái nguyên âm): cao (giận), kou (tôi), dua (số 2), dui (dắt), nau (đi), tlou (số 3), ...</p> <p>+ Tiếng khuyết phụ âm đầu: gồm 3 chữ cái nguyên âm: iou (kêu),</p> <p>- Từ gồm các loại:</p> <p>+ Từ đơn tiết: cao (giận), nhuq (nó)</p> <p>+ Từ đa tiết: daling dalang (rộn ràng), dam dara (thanh niên)</p> <p>2. Từ ngữ theo các chủ đề: nhà trường, gia đình, thiên nhiên, quê hương - đất nước.</p> <p>- Từ chỉ sự vật, chỉ hoạt động, tính chất.</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>- Viết 1-2 câu về nội dung tranh hoặc theo yêu cầu dựa vào gợi ý.</p> <p>III. NÓI VÀ NGHE</p> <p>1. Nói</p> <p>- Nói đúng các từ ngữ, câu theo yêu cầu.</p> <p>- Biết trình bày ý kiến tương đối rõ ràng.</p> <p>- Kể lại được một câu chuyện đơn giản đã đọc, đã nghe.</p> <p>- Biết hỏi và đáp tương đối rõ ràng, có thái độ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.</p>	<p>3. Dấu câu (Dấu chấm, dấu phẩy, dấu hỏi, dấu chấm than).</p> <p>KIẾN THỨC VĂN HÓA</p> <p>1. Nhạc cụ truyền thống:</p> <p>- Một vài nhạc cụ quen thuộc của dân tộc: đàn đá, đàn cha pi, talaker, mã la, ...</p> <p>2. Một số trò chơi dân gian quen thuộc, gần gũi: cà kheo, con quay, kéo co, ...</p>
<p>2. Nghe</p> <p>- Tiếp tục củng cố thói quen chú ý lắng nghe khi nghe người khác nói. Biết đặt câu hỏi về những gì chưa nghe rõ hoặc chưa hiểu hết khi nghe.</p> <p>- Nghe một bài thơ hoặc bài hát, dựa vào gợi ý, nói 1-2 câu nêu cảm nhận của mình về bài thơ hoặc bài hát đó.</p> <p>- Nghe câu chuyện, dựa vào gợi ý, nêu ý kiến về nhân vật chính hoặc một sự việc trong câu chuyện.</p> <p>3. Nói- Nghe tương tác</p> <p>- Bước đầu biết phát biểu, chia sẻ ý kiến trong thảo luận nhóm, trong sinh hoạt tổ, lớp.</p> <p>- Chú ý lắng nghe người khác, nói ra ý kiến của mình, biết tiếp lời và hỏi hoặc trả lời lịch sự.</p>	<p>NGŨ LIỆU</p> <p>1. Các ngữ liệu dùng để dạy vẫn là các từ khóa, từ ngữ ứng dụng, câu ứng dụng thông dụng, dễ hiểu đối với học sinh lớp 3, là những câu tục ngữ, thành ngữ, dân ca, đồng dao, câu đố, ... của dân tộc Raglai và các dân tộc anh em khác.</p> <p>2. Các từ ngữ được sử dụng trong các bài học có ý nghĩa tích cực, mang tính giáo dục, phù hợp với học sinh lớp 3.</p>

LỚP 4

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>I. ĐỌC</p> <p>1. Kỹ thuật đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng và rõ ràng, mạch lạc câu chuyện, đoạn văn bản ngắn, ... - Biết nhấn giọng đúng từ ngữ, nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hay chỗ ngắt nhịp thơ, thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. Tốc độ đọc 40 - 50 chữ/phút. <p>2. Đọc hiểu</p> <p><i>2.1. Văn bản văn học</i></p> <p><i>Đọc hiểu nội dung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài. - Trả lời được những câu hỏi về nội dung văn bản: Ai? Cái gì? Như thế nào? Khi nào? Ở đâu? - Nêu được bài học rút ra từ văn bản, câu chuyện, bài thơ, ... <p><i>Đọc hiểu hình thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được hình dáng, hành động, lời nói của nhân vật qua ngôn ngữ và hình ảnh. - Nhận biết được địa điểm, thời gian, sự việc chính của câu chuyện. <p><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tình cảm, suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản. <p><i>Đọc mở rộng</i></p> <p>Trong một năm học, đọc tối thiểu 7- 10 câu chuyện, bài thơ, sách báo bằng tiếng Raglai.</p>	<p>KIẾN THỨC TIẾNG RAGLAI</p> <p>1. Ngữ âm và chữ viết</p> <p>Dấu gạch nối (-):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ có hai “tiếng”, “tiếng” thứ hai không có chữ cái phụ âm đầu. Ví dụ: la-a, sa-ai, va-ar. - Từ có hai chữ cái nguyên âm khác nhau ở ranh giới âm tiết. Ví dụ: ma-iaqt. <p>2. Từ ngữ theo chủ điểm: nhà trường, gia đình, thiên nhiên, quê hương - đất nước.</p> <p>3. Cấu tạo từ:</p> <p>Từ đơn âm, từ đa âm: đặc điểm và chức năng; từ phức.</p> <p>4. Câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm: đặc điểm thể hiện qua dấu câu, qua từ ngữ đánh dấu kiểu câu và công dụng của từng kiểu câu.</p> <p>5. Biện pháp tu từ so sánh: đặc điểm và tác dụng</p> <p>KIẾN THỨC VĂN HỌC</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>2.2. Văn bản thông tin</p> <p><i>Đọc hiểu nội dung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời được: Văn bản viết về cái gì? Có những thông tin (chi tiết) nào đáng chú ý? - Nhận biết được thông tin chính của văn bản. <p><i>Đọc hiểu hình thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản: văn bản giới thiệu một đồ vật, tờ khai, giấy mời, ... - Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản. <p><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></p> <p>Nêu được những điều học được từ văn bản.</p> <p><i>Đọc mở rộng</i></p> <p>Trong một năm học, đọc tối thiểu khoảng 7 - 10 văn bản thông tin, sách báo bằng tiếng Raglai.</p>	<p>1. Hình dáng, điệu bộ, lời thoại của nhân vật.</p> <p>2. Tình cảm, thái độ giữa các nhân vật.</p> <p>KIẾN THỨC VĂN HÓA</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số nghề truyền thống của dân tộc Raglai: đan lát, rèn, dệt ... - Truyện thần thoại, cổ tích về lịch sử, về người tiêu biểu, uy tín, người có công với dân làng. - Thành ngữ, tục ngữ, dân ca Raglai.
<p>II. VIẾT</p> <p>1. Kỹ thuật viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng chính tả đoạn văn, đoạn thơ có độ dài khoảng 30 - 35 chữ theo hình thức nghe - viết, nhớ - viết; Tốc độ viết tối thiểu 30 - 35 chữ trong 15 phút. - Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. <p>2. Viết đoạn văn ngắn</p> <p><i>Quy trình viết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được nội dung bằng cách trả lời câu hỏi: “viết về cái gì?”; 	<p>NGŨ LIỆU</p> <p>Văn bản văn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; (bài) văn miêu tả - Bài thơ, văn vắn, ca dao, vè, ... - Độ dài của văn bản: truyện khoảng 90 - 100 chữ. Thơ khoảng: 60 - 70 chữ. <p>Văn bản thông tin</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<ul style="list-style-type: none"> - Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết; hình thành ý chính cho đoạn văn, viết thành đoạn văn. <i>Thực hành viết</i> - Viết được đoạn văn, bài thơ (nghe - viết) - Viết đoạn văn ngắn 4 - 5 câu giới thiệu về một đồ vật, vật nuôi, cây trồng quen thuộc ở địa phương dựa vào gợi ý. - Viết đoạn văn ngắn 4 - 5 câu giới thiệu về một nghề truyền thống của dân tộc Raglai mà em biết. - Viết được 4 - 5 câu nói về tình cảm của mình đối với người thân hoặc sự việc dựa vào gợi ý. - Biết viết tin nhắn, lời cảm ơn, xin lỗi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản giới thiệu về một nghề thủ công truyền thống của dân tộc Raglai; giới thiệu về anh hùng dân tộc, người tiêu biểu có uy tín với cộng đồng người Raglai. <p>Độ dài của văn bản: khoảng 70 - 80 chữ.</p>
<p>III. NÓI VÀ NGHE</p> <p>1. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói rõ ràng suy nghĩ, ý kiến, ... của bản thân; Có thái độ tự tin khi nói. Bước đầu biết kết hợp cử chỉ, điệu bộ để tăng hiệu quả giao tiếp. - Nói ngắn gọn về một câu chuyện đơn giản: về đồ vật, vật nuôi trong nhà. <p>2. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng trong câu chuyện. - Đặt được câu hỏi để hiểu kỹ hơn nội dung đã nghe. <p>3. Nói - Nghe tương tác</p>	



Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng những quy định trong thảo luận: nguyên tắc luân phiên lượt lời, tập trung vào vấn đề thảo luận. - Biết đóng góp ý kiến vào việc thảo luận về một chuyện đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện. 	

LỚP 5

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>I. ĐỌC</p> <p>1. Kỹ thuật đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, bài văn xuôi, văn vần, tốc độ đọc khoảng 60-70 chữ/ phút. - Bước đầu biết đọc lướt đoạn văn ngắn. <p>2. Đọc hiểu</p> <p><i>2.1. Văn bản văn học</i></p> <p><i>Đọc hiểu nội dung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu nghĩa các từ ngữ quan trọng trong bài đọc. - Nhận biết được chi tiết và nội dung chính. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản. - Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi gợi ý. - Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý. <p><i>Đọc hiểu hình thức</i></p>	<p>KIẾN THỨC TIẾNG RAGLAI</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ ngữ theo các chủ điểm: Nhà trường, gia đình, cộng đồng, quê hương, đất nước, thế giới. 2. Đại từ: đặc điểm, chức năng. 3. Quan hệ từ (nối các từ trong một câu). 4. Biện pháp tu từ nhân hoá: đặc điểm và tác dụng. 5. Câu và thành phần chính của câu: đặc điểm và chức năng. 6. Trạng ngữ của câu: đặc điểm và chức năng.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>- Nhận biết được hình dáng, hành động, lời nói của nhân vật qua ngôn ngữ và hình ảnh.</p> <p>- Nhận biết được thời gian, địa điểm và trình tự các sự việc trong câu chuyện.</p> <p>- Nhận biết được một số loại văn bản: truyện thần thoại, cổ tích, sử thi, dân ca, ...</p> <p style="text-align: center;"><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></p> <p>- Nêu được tình cảm, suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản.</p> <p>- Nêu được một vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân được gợi ra từ văn bản đã đọc.</p> <p><i>Đọc mở rộng:</i></p> <p>- Đọc một số truyện thần thoại, cổ tích; một số câu tục ngữ, thành ngữ, ... Raglai.</p> <p>- Thuộc một số câu thành ngữ, tục ngữ Raglai.</p> <p><i>2.2. Văn bản thông tin</i></p> <p><i>Đọc hiểu nội dung</i></p> <p>- Nhận biết được những thông tin chính trong văn bản.</p> <p>- Trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý?</p> <p>- Tìm được ý chính của từng đoạn trong văn bản.</p> <p><i>Đọc hiểu hình thức</i></p> <p>- Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng qua đặc điểm của văn bản: văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 - 3 sự việc, văn</p>	<p>KIẾN THỨC VĂN HỌC</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bài văn ngắn, đoạn văn. 2. Bài học rút ra từ văn bản; 3. Địa điểm và thời gian; suy nghĩ và hành động của nhân vật. <p>KIẾN THỨC VĂN HÓA</p> <p>- Những lễ hội tiêu biểu ở cộng đồng: lễ hội “Ăn đầu lúa mới”, Thôi nôi, Tết, ...</p> <p>- Di tích lịch sử, địa danh văn hoá: Bãi đá Pinăng Tác, hang X93, hang 403, ...</p> <p>- Truyện cổ tích về thiên nhiên, xã hội, ... của dân tộc Raglai.</p> <p>NGŨ LIỆU</p> <p>Văn bản văn học</p> <p>- Văn bản văn học: văn học dân gian Raglai và văn bản văn học viết, truyện và thơ</p>



Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>bản giới thiệu một lễ hội, một di tích lịch sử, thông báo ngắn, tờ khai đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian. - Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản. <p><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân hay cộng đồng được gọi ra từ văn bản đã đọc. - Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử). <p><i>Đọc mở rộng</i></p> <p>Đọc một số văn bản thông tin được viết bằng tiếng Raglai.</p>	<p>(đoạn, bài văn xuôi và đoạn, bài văn vần).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ dài của văn bản truyện: khoảng 110 - 120 chữ; Thơ khoảng 70 - 80 chữ. <p>Văn bản thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thuyết minh giới thiệu về một lễ hội truyền thống của dân tộc Raglai; một di tích lịch sử, ... - Độ dài của văn bản: khoảng 80 - 90 chữ.
<p>II. VIẾT</p> <p>1. Kỹ thuật viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng chính tả và lưu ý những từ ngữ dễ viết sai do mới gặp, hoặc do đặc điểm phát âm của phương ngữ. - Viết đúng chính tả đoạn văn, đoạn thơ có độ dài khoảng 35- 40 chữ theo hình thức nghe - viết, nhớ - viết. Tốc độ viết tối thiểu 35 - 40 chữ trong 15 phút. - Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. <p>2. Viết đoạn văn</p> <p><i>2.1. Quy trình viết</i></p>	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>- Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý.</p> <p><i>2.2. Thực hành viết</i></p> <p>- Viết được đoạn văn ngắn từ 5 - 7 câu giới thiệu về một lễ hội tiêu biểu của dân tộc Raglai dựa trên câu hỏi gợi ý.</p> <p>- Viết được đoạn văn ngắn từ 5- 7 câu giới thiệu về một cảnh vật, một di tích lịch sử, ... quê hương.</p> <p>- Viết được đoạn văn ngắn từ 5 - 7 câu nêu tình cảm, cảm xúc về con người, cảnh vật dựa vào gợi ý.</p> <p>- Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, nêu được những thông tin quan trọng như: Họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, sở thích, ước mơ của bản thân.</p> <p>- Viết được thông báo hay bản tin ngắn theo mẫu.</p> <p>III. NÓI VÀ NGHE</p> <p>1. Nói</p> <p>- Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và đề tài được nói tới; có thái độ tự tin, có thói quen nhìn vào người nghe.</p> <p>- Điều chỉnh được lời nói từ tốc độ, âm lượng và từ ngữ cho phù hợp với người nghe.</p>	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
<p>- Kể lại được một sự việc đã tham gia hoặc chứng kiến ở cộng đồng và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về sự việc đó.</p> <p>2. Nghe</p> <p>- Chú ý nghe người khác nói. Đặt được những câu hỏi có liên quan để hiểu đúng nội dung nghe.</p> <p>- Nghe và hiểu chủ đề, nội dung chính trong câu chuyện.</p>	
<p>3. Nói - Nghe tương tác</p> <p>- Thực hiện đúng những quy định trong thảo luận: nguyên tắc luân phiên lượt lời, lịch sự.</p> <p>- Biết đóng góp ý kiến trong việc thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện.</p>	

VII. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

Việc tổ chức thực hiện Chương trình môn Tiếng Raglai được định hướng theo nguyên tắc phát triển năng lực giao tiếp, gắn ngôn ngữ với văn hoá và đời sống cộng đồng người Raglai.

Chương trình bảo đảm sự thống nhất giữa yêu cầu cần đạt – nội dung dạy học – đánh giá, trong đó yêu cầu cần đạt là căn cứ để lựa chọn nội dung và xây dựng công cụ đánh giá, nhằm đo lường mức độ học sinh sử dụng được tiếng Raglai trong các tình huống giao tiếp và học tập cụ thể.

Nội dung dạy học được thiết kế trên cơ sở lồng ghép tri thức văn hoá Raglai, bao gồm lễ hội, phong tục, sử thi, truyện kể dân gian và các giá trị truyền thống,

qua đó giúp học sinh vừa phát triển năng lực ngôn ngữ, vừa hình thành hiểu biết và ý thức gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc.

Ngữ liệu sử dụng trong dạy học ưu tiên khai thác từ đời sống cộng đồng Raglai, bảo đảm tính xác thực, tính gần gũi và tính ứng dụng của tiếng Raglai trong giao tiếp hằng ngày.

Chương trình khuyến khích học tập trải nghiệm và học ngoài lớp học thông qua các hoạt động giao lưu, tham gia sinh hoạt văn hoá, nghe kể chuyện, thực hành giao tiếp trong cộng đồng, nhằm tăng cường khả năng sử dụng ngôn ngữ trong bối cảnh thực tế.

Việc tổ chức dạy học cần kết hợp học liệu truyền thống với học liệu số, ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện nghe nhìn bằng tiếng Raglai để hỗ trợ luyện nghe, nói, đọc, viết, đồng thời góp phần bảo tồn và lan toả ngôn ngữ, văn hoá Raglai trong bối cảnh chuyển đổi số

2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe qua nội dung, ngữ liệu phong phú đã được lựa chọn kết hợp với hoạt động trải nghiệm, môn Tiếng Raglai góp phần hình thành và phát triển cho học sinh các phẩm chất chủ yếu sau đây:

- Biết yêu thiên nhiên, đất nước; yêu quý và tự hào về truyền thống của dân tộc Raglai; kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước; biết trân trọng và giữ gìn, phát huy các giá trị bản sắc văn hoá dân tộc Raglai; trân trọng và giữ gìn các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh ở địa phương.

- Biết quan tâm đến người thân, tôn trọng bạn bè, thầy cô; nhường nhịn, vị tha; biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hoà với người khác; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm;

tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hoá, biết tha thứ, độ lượng với người khác.

- Có ý thức học tiếng Raglai thông qua các kênh như đài, báo... địa phương; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, siêng năng trong công việc gia đình, nhà trường; yêu lao động, có ý chí vượt khó; tích cực rèn luyện để chuẩn bị nghề nghiệp cho tương lai.

- Trung thực, ngay thẳng với những người xung quanh; yêu lẽ phải, tôn trọng bạn bè, thầy cô và những người xung quanh; mạnh dạn khi bày tỏ ý kiến và những suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

- Có ý thức bảo tồn và phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ và những bản sắc văn hóa của dân tộc mình; biết giữ gìn tư cách, bản sắc của người dân tộc Raglai; đồng thời, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá của các dân tộc Việt Nam.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

Những năng lực chung của môn Tiếng Raglai được hình thành và phát triển không chỉ thông qua nội dung dạy học mà còn thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy học mới với việc chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong hoạt động giao tiếp.

- Năng lực tự chủ và tự học

Thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe một cách tích cực, chủ động, kết hợp học trên lớp, trải nghiệm và tự học, môn Tiếng Raglai giúp học sinh phát triển được vốn sống, biết tự làm chủ để có hành vi phù hợp, có sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống. Môn Tiếng Raglai cũng giúp học sinh có khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác

Môn Tiếng Raglai là môn học góp phần nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh. Việc sử dụng thành thạo ngôn ngữ Raglai giúp các em có được sự chủ động, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ trong giao tiếp, thiết lập và phát



triển mối quan hệ với người khác; phát triển khả năng làm việc nhóm, tăng hiệu quả hợp tác.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Năng lực giải quyết vấn đề trong môn Tiếng Raglai được thể hiện ở khả năng nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

Môn Tiếng Raglai đề cao vai trò của học sinh với tư cách là người học tích cực, chủ động, không chỉ trong hoạt động tiếp nhận mà còn trong việc tạo lập một cách sáng tạo văn bản bằng ngôn ngữ mẹ đẻ.

3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các năng lực ngôn ngữ Raglai

a) Phương pháp dạy đọc

Mục đích chủ yếu của dạy đọc tiếng Raglai trong nhà trường phổ thông là giúp học sinh biết đọc và tự đọc được văn bản, thông qua đó mà bồi dưỡng, giáo dục phẩm chất, nhân cách học sinh.

- Dạy phát âm: Học sinh phát âm đúng âm, vần, tiếng, từ trong hệ thống ngữ âm tiếng Raglai.

- Dạy đọc văn bản: Khi dạy học đọc hiểu nội dung văn bản, cần sử dụng đa dạng các loại câu hỏi ở những mức độ khác nhau để thực hiện dạy học phân hóa và hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản, hình thành kĩ năng.

Tùy vào đối tượng học sinh ở từng lớp học và thể loại của văn bản mà vận dụng các phương pháp, kĩ thuật và hình thức dạy học đọc hiểu cho phù hợp như: đọc trôi chảy, lưu loát, rõ ràng, đọc phân vai, kể chuyện, đóng vai để giải quyết một tình huống, diễn kịch, sử dụng câu hỏi, hướng dẫn ghi chép bằng các phiếu học tập, nhật kí đọc sách. Một số phương pháp dạy học khác như đàm thoại, vấn đáp, diễn giảng, nêu vấn đề,... cũng cần được vận dụng một cách phù hợp theo yêu cầu phát triển năng lực cho học sinh.

b) Phương pháp dạy viết

- Mục đích của dạy viết trong môn Tiếng Raglai là rèn luyện tư duy và cách viết bằng tiếng Raglai, qua đó mà giáo dục phẩm chất và phát triển nhân cách học sinh. Vì thế khi dạy viết, giáo viên chú trọng yêu cầu tạo ra ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo và có sức thuyết phục.

- Giáo viên tập trung vào yêu cầu hướng dẫn học sinh dựa vào các câu hỏi để thực hành viết một đoạn văn theo yêu cầu. Các kỹ năng viết học sinh được học từ môn Tiếng Việt sẽ được học sinh sử dụng trong quá trình thực hành viết trong môn Tiếng Raglai.

- Dạy viết có hai yêu cầu: dạy kỹ thuật viết và dạy viết câu, đoạn văn, bài văn. Dạy kỹ thuật viết (tập viết, chính tả) chủ yếu sử dụng phương pháp thực hành theo mẫu. Dạy viết câu văn, đoạn văn (viết sáng tạo) có thể sử dụng các phương pháp như phương pháp giao tiếp, phương pháp phân tích và rèn luyện theo mẫu, Luyện tập thực hành, ...

c) Phương pháp dạy nói và nghe

Mục đích của dạy nói và nghe là nhằm giúp học sinh có khả năng diễn đạt, trình bày ngôn ngữ nói bằng tiếng Raglai một cách rõ ràng, tự tin; có khả năng hiểu đúng; biết tôn trọng người nói, người nghe; có thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận. Dạy nói và nghe không chỉ phát triển năng lực giao tiếp mà còn giáo dục phẩm chất và nhân cách học sinh.

Dạy nói trong môn Tiếng Raglai, giáo viên hướng dẫn cho học sinh quan sát mẫu đồng thời tổ chức cho học sinh thực hành trình bày trước nhóm, tổ, lớp. Trong dạy nghe, giáo viên hướng dẫn học sinh nắm bắt được nội dung nghe; hỏi lại khi có thông tin chưa nghe rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt; cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Để tạo điều kiện cho mọi học sinh được thực hành nói và nghe trong môn Tiếng Raglai, giáo viên linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động học tập như: yêu cầu từng cặp học sinh nói cho nhau nghe hoặc học sinh trình bày bài nói trước

nhóm, lớp; tổ chức cho học sinh thảo luận, qua đó hiểu được tính chất tương tác của ngôn ngữ nói và hình thành thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

VIII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu đánh giá

Việc đánh giá kết quả giáo dục trong môn Tiếng Raglai nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của học sinh trong suốt quá trình học tập môn học. Trên cơ sở đó, hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Căn cứ đánh giá

Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn Tiếng Raglai được thực hiện theo hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Nội dung đánh giá

Trong môn Tiếng Raglai, giáo viên đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của học sinh thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe.

a) *Đánh giá hoạt động đọc*: tập trung vào yêu cầu học sinh đọc đúng và hiểu nội dung của văn bản.

b) *Đánh giá hoạt động viết*: Việc đánh giá kĩ năng viết câu và đoạn văn cần tập trung vào các tiêu chí chủ yếu như nội dung, khả năng biểu đạt, hình thức ngôn ngữ và trình bày,..

c) *Đánh giá hoạt động nói và nghe*: tập trung vào yêu cầu học sinh nói đúng chủ đề và mục tiêu; sự tự tin của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết trao đổi ý kiến và thuyết phục; điều chỉnh âm lượng và tốc độ nói thích hợp. Đối với kĩ năng nghe, yêu cầu học sinh nắm bắt nội dung do người khác nói; có thái độ



nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

d) Đánh giá phẩm chất chủ yếu và năng lực chung trong môn Tiếng Raglai: tập trung vào các hành vi, việc làm, cách ứng xử, những biểu hiện về thái độ, tình cảm của học sinh khi đọc, viết, nói và nghe; thực hiện chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét, ...

4. Hình thức đánh giá

Đánh giá trong môn Tiếng Raglai thực hiện bằng hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

a) Đánh giá thường xuyên: được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá học sinh, học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn.

b) Đánh giá định kì: được thực hiện ở thời điểm cuối mỗi học kỳ do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục.

Việc đánh giá phải bảo đảm nguyên tắc học sinh được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, những suy nghĩ và tình cảm của chính học sinh; khuyến khích các bài viết có tính sáng tạo.

IX. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

Về cơ bản, thống nhất với Chương trình giáo dục phổ thông Môn Ngữ văn. Một số thuật ngữ sử dụng trong chương trình:

- *Giao tiếp đa phương thức:* hình thức giao tiếp sử dụng nhiều phương tiện khác nhau, không chỉ phương tiện ngôn ngữ mà cả phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

- *Loại văn bản:* các văn bản có cùng mục đích giao tiếp chủ yếu, bao gồm: văn bản văn học và văn bản thông tin.

- *Năng lực ngôn ngữ*: khả năng sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ...) để đọc, viết, nói và nghe tiếng Raglai.

- *Ngữ liệu*: từ âm, chữ cho đến văn bản hoặc trích đoạn văn bản thuộc các loại văn bản và thể loại thể hiện dưới các hình thức viết, nói hoặc đa phương thức, dùng làm ngữ liệu để dạy học.

- Ngữ liệu được lựa chọn để biên soạn sách giáo khoa và tài liệu tham khảo cần bảo đảm các tiêu chí sau:

+ Phục vụ trực tiếp cho việc phát triển các phẩm chất và năng lực theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình.

+ Phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức, đặc điểm tâm - sinh lí của học sinh ở từng lớp và tâm lí tộc người Raglai. Từ ngữ dùng làm ngữ liệu thuộc vốn từ vựng văn hoá, có ý nghĩa tích cực, bảo đảm phục vụ yêu cầu giáo dục phẩm chất, giáo dục ngôn ngữ, giáo dục thẩm mỹ và phù hợp với tâm lí học sinh.

+ Có giá trị ngôn ngữ học, đồng thời thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc Raglai.

+ Đảm bảo độ gần về mặt thời gian (hạn chế sử dụng những từ ngữ cổ khó hiểu); phù hợp với chủ điểm, chủ đề bài học; tâm lí và đặc thù văn hóa, nhận thức của học sinh. Nguồn ngữ liệu chủ yếu được lấy từ ngôn ngữ thông dụng, các văn bản thông tin sử dụng hàng ngày, văn học dân gian và văn học viết của người Raglai (Truyện cổ; Sử thi; Luật tục); văn bản nhật dụng báo, đài... phản ánh đời sống, con người, văn hóa của dân tộc Raglai. Ngoài ra, nguồn ngữ liệu còn được lấy từ một số văn bản, tác phẩm có giá trị đặc sắc về văn học của các dân tộc anh em khác trên đất nước Việt Nam. Ưu tiên lựa chọn văn bản có các từ ngữ thuần Raglai hơn là văn bản dịch hoặc văn bản có nhiều từ vay mượn.

- *Thể loại văn học*: mỗi loại văn bản văn học bao gồm nhiều thể loại như: thần thoại, cổ tích, truyện ngắn, ca dao, tục ngữ, thành ngữ,...

- *Tiếng mẹ đẻ*: ngôn ngữ đầu tiên học được và sử dụng suốt đời, thường là tiếng của mẹ đẻ ra mình.



- *Văn bản biểu cảm*: văn bản chủ yếu dùng để thể hiện tình cảm, cảm xúc.
- *Văn bản đa phương thức*: văn bản có sự phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện khác như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh.
- *Văn bản miêu tả*: văn bản chủ yếu dùng để miêu tả.
- *Văn bản thông tin*: văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin.
- *Văn bản thuyết minh*: văn bản chủ yếu dùng để giới thiệu một sự vật, hiện tượng.
- *Văn bản tự sự*: văn bản chủ yếu dùng để kể lại một sự việc.

2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai dạy học tiếng Raglai trong cơ sở giáo dục phổ thông thuộc các vùng dân tộc có nguyện vọng, nhu cầu học tiếng Raglai theo chương trình quy định. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếng dân tộc thiểu số theo quy định. Phát triển đội ngũ giáo viên tiếng dân tộc thiểu số đạt chuẩn về trình độ được đào tạo, đáp ứng nhu cầu dạy học tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn. Hằng năm, bố trí nguồn lực tài chính phục vụ việc dạy học tiếng dân tộc thiểu số theo quy định hiện hành về phân cấp ngân sách nhà nước.

- Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn, triển khai môn Tiếng Raglai theo hình thức tự chọn phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Các trường học căn cứ vào chương trình, đội ngũ giáo viên để lập kế hoạch dạy học môn học Tiếng Raglai cho phù hợp với điều kiện thực tế của trường. Kế hoạch giáo dục môn Tiếng Raglai của trường phải được cơ quan quản lí giáo dục địa phương được phân cấp phê chuẩn trước khi đưa vào thực hiện.

X. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về quản lý, chỉ đạo và phối hợp thực hiện

Cơ quan quản lý giáo dục các cấp tổ chức chỉ đạo thống nhất việc triển khai Chương trình môn Tiếng Raglai; bảo đảm sự phối hợp giữa nhà trường, chính quyền địa phương, cơ sở đào tạo giáo viên và cộng đồng người Raglai trong việc tổ chức dạy học, phát triển học liệu và bảo tồn, phát huy ngôn ngữ, văn hoá dân tộc.

2. Về đội ngũ giáo viên

- Trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên dạy tiếng Raglai tại các cơ sở giáo dục thực hiện theo quy định của Chính phủ và được tham gia bồi dưỡng thường xuyên, liên tục nhằm phát triển:

- + Năng lực sử dụng và giảng dạy tiếng Raglai;
- + Năng lực tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực;
- + Năng lực tích hợp tri thức văn hoá Raglai và tổ chức hoạt động trải nghiệm;
- + Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và học liệu số trong dạy học.

- Giáo viên dạy tiếng Raglai được hưởng các quyền, nghĩa vụ, chế độ, chính sách chung dành cho nhà giáo và chế độ, chính sách dành cho giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

- Các cơ sở giáo dục được giao nhiệm vụ dạy tiếng Raglai hoàn thiện, xây dựng đề án vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm bố trí đủ số lượng giáo viên dạy tiếng Raglai theo yêu cầu nhiệm vụ năm học; cử giáo viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm yêu cầu trình độ đào tạo theo quy định.

- Hằng năm, cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục hoàn thiện, xây dựng đề án vị trí việc làm; tổng hợp nhu cầu giáo viên dạy tiếng Raglai; tổ chức tuyển dụng, cử giáo viên biệt phái, dạy liên trường hoặc ký hợp đồng lao động theo quy định bảo đảm bố trí đủ số lượng giáo viên dạy tiếng Raglai theo yêu cầu nhiệm vụ năm học.

3. Về người học và điều kiện học tập



Việc thực hiện Chương trình bảo đảm quyền được học tiếng Raglai của học sinh, tạo môi trường học tập tôn trọng và phát huy bản sắc ngôn ngữ, văn hoá dân tộc. Nhà trường có trách nhiệm tạo điều kiện để học sinh được tiếp cận học liệu, phương tiện học tập và được khuyến khích sử dụng tiếng Raglai trong học tập và giao tiếp.

Việc tổ chức dạy và học tiếng nói, chữ viết dân tộc Raglai phải bảo đảm nguyên tắc tự nguyện của người học. Nhà trường chỉ triển khai khi học sinh và gia đình có nguyện vọng, nhu cầu thực sự, tuyệt đối không áp đặt hay gán với điều kiện bắt buộc. Việc học tiếp tiếng Raglai cần được tư vấn đầy đủ, tôn trọng quyền lựa chọn của học sinh, phù hợp với điều kiện học tập và định hướng phát triển cá nhân.

4. Về cơ sở vật chất, thiết bị và nguồn lực tài chính

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và nguồn lực tài chính, nguồn lực con người cần thiết cho việc triển khai Chương trình, bao gồm đầu tư cho đội ngũ giáo viên, học liệu, thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin và các hoạt động giáo dục gắn với văn hoá Raglai trên cơ sở cân đối từ nguồn ngân sách Nhà nước của Trung ương và địa phương.

5. Về học liệu và ứng dụng công nghệ

Chương trình và học liệu Tiếng Raglai được thường xuyên rà soát, cập nhật phù hợp với thực tiễn. Khuyến khích phát triển và sử dụng học liệu số như băng ghi âm, video, truyện kể, bài hát, phần mềm học tập bằng tiếng Raglai; đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện vùng dân tộc thiểu số nhằm nâng cao chất lượng dạy học và góp phần bảo tồn, phát huy tiếng Raglai.

XI. DANH MỤC TÀI LIỆU GỢI Ý LỰA CHỌN LÀM NGŨ LIỆU

[1] Nguyễn Hữu Bài - Trần Kiêm Hoàng - Lê Văn Hoa - Trần Vũ - Chamaliaq Riya Tieng (2014), *Văn Hóa Dân Gian Raglai Ở Khánh Hòa*, Nhà xuất bản văn hóa, Văn nghệ.



[2] Lê Khắc Cường, Phan Văn Dốp, Nguyễn Văn Huệ, Phan Xuân Viện (2011) *Truyện cổ Raglai*, Nhà xuất bản văn hóa Dân tộc.

[3] Trần Kiêm Hoàng (2010), *Truyện Cổ Raglai*, Nhà xuất bản Dân Trí.

[4] Nguyễn Huệ Khải - Nguyễn Thế Quang (2021) *Sách giáo khoa Raglai 1 dạy thí điểm trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

[5] Nguyễn Huệ Khải - Nguyễn Thế Quang (2022) *Sách giáo khoa Raglai 2 dạy thí điểm trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

[6] Hải Liên (2011), *Văn hóa gia tộc Raglai góc nhìn từ nghệ nhân*, Nhà xuất bản khoa học xã hội

[7] Nguyễn Văn Lợi, Tạ Văn Thông và cộng sự (2003), *Sanăuq Radlai (Tiếng Raglai)*; Đề tài nghiên cứu khoa học được UBND tỉnh Ninh Thuận công bố kết quả đề tài nghiên cứu khoa học “*Xây dựng chữ viết Raglai và biên soạn sách học tiếng Raglai tại Ninh Thuận*” theo Quyết định số 192/2004/QĐ-UB ngày 17/12/2004.

[8] Nguyễn Bá Ninh và nhóm tác giả (2018), *Tài liệu bồi dưỡng tiếng Raglai dành cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Thuận năm 2018*, được UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

[9] Nguyễn Thế Sang (2005), *Luật tục Raglai (Song ngữ Việt-Raglai)*, Nhà xuất bản văn hóa dân tộc.

[10] Tạ Văn Thông (2020), “*Họ*” của người Raglai: hiện thực và huyền thoại, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, bài báo khoa học (tr115-121) Tạp chí Văn hóa truyền thống và phát triển. <https://doi.org/10.25073/0866-773x/400>.

[11] Chmaliaq Riya Tiênq-Trần Kiêm Hoàng (2010), *Kei Masriqh gamsi muqđ vila (Ikhad zulucal Radlai)*, Nhà xuất bản khoa học xã hội (2010).

[12] Chmaliaq Riya Tiênq-Trần Kiêm Hoàng (2010), *Từ điển “Thành ngữ - Tục ngữ” người Raglai ở Khánh Hòa*, Nhà xuất bản văn hóa Dân tộc.

[13] Chmaliaq Riya Tiênq-Trần Kiêm Hoàng (2012), *Các làng điệu dân ca Raglai*, Nhà xuất bản Thanh niên

[14] Chmaliaq Riya Tiênq-Trần Kiêm Hoàng (2012), *Các làng điệu Dân ca Raglai*, Nhà xuất bản Thanh niên.

[15] Vũ Anh Tuấn và cộng sự (2014), *Sử thi Raglai*, Nhà xuất bản khoa học xã hội.

[16] Trần Vũ (2012), *Chàng Mutui Amã*, Nhà xuất bản Thanh Niên.



PHỤ LỤC 1
BẢNG CHỮ CÁI, ÂM – VẦN

LỚP 1
Chữ cái - Nguyên âm - Phụ âm

1. Bảng chữ cái (26 chữ cái)

A	a	Ø	o
B	b	σ	ơ
C	c	Ɔ	ơ
D	d	Q	q
D	đ	R	ư
E	e	F	đ
G	g	Ɔ	t
H	h	u	u
I	i	v	v
K	k	W	w
L	l	J	j
M	m	y	y
N	n	Z	z

2. Các chữ cái có phát âm khác với Tiếng Việt: c, d, j, w, y, z.

3. Các chữ cái nguyên âm: a, e, i, o, σ, u



4. Các chữ cái phụ âm đầu:

- b, c, d, đ, g, h, j, k, l, m, n, p, r, s, t, v, w, y, z (19 chữ cái đơn)

- ch, bh, gh, dh, kh, bl, dl, hl, mh, ng, nh, ph, pl, cr, dr, kr, pr, br, gr, sr, th, tr, tl, vr, vh, vl, jr, zh, zr (29 chữ cái ghép)

Chữ cái phụ âm cuối vần: d, h, k, q, qh, qt, qd, l, n, r, t, ng, m (mt, nt, ngt)

5. Tạo các từ đơn giản chỉ có 1 chữ cái nguyên âm với các chữ cái phụ âm đầu khác nhau (được biểu thị bằng chữ cái đơn hay chữ cái ghép trên đây).

LỚP 2

Vần -Tiếng -Từ vựng tiếng Raglai

1. Tạo các vần:

Tạo vần với 1 chữ cái nguyên âm a, e, i, o, ơ, u và các chữ cái phụ âm cuối vần, hình thành các vần cụ thể trong bảng sau: (từ 6 chữ cái nguyên âm hình thành được 71 vần)

Chữ cái phụ âm cuối vần / Chữ cái nguyên âm	d	h	k	q	qh	qt	qd	l	n	r	t	ng
a	ad	ah	ak	aq	aqh	aqt	aqd	al	an	ar	at	ang
e	ed	eh	ek	eq	eqh	eqt	eqd	el	en	er	et	eng
i	id	ih	ik	iq	iqh	iqt	iqd	il	in	ir	it	ing

Chữ cái phụ âm cuối vần	d	h	k	q	qh	qt	qd	l	n	r	t	ng
Chữ cái nguyên âm												
o	od	oh	ok	oq	oqh	oqt	oqd	ol	on	or	ot	ong
ơ	ơd	ơh	ơk	ơq	ơqh	ơqt	ơqd	ơl	ơn	ơr	ơt	ơng
u	ud	uh	uk	uq	uqh	uqt	uqd	ul	un	ur	ut	

2. Tạo từ với các vần:

Tạo từ bằng cách ghép các chữ cái phụ âm đầu với từng vần trên để tạo thành tiếng.

Các chữ cái phụ âm đầu:

- b, c, d, đ, g, h, j, k, l, m, n, p, r, s, t, v, w, y, z (19 chữ cái đơn)

- ch, bh, gh, dh, kh, bl, dl, hl, mh, ng, nh, ph, pl, cr, dr, kr, pr, br, gr, sr, th, tr, tl, vr, vh, vl, jr, zh, zr (29 chữ cái ghép)

Chữ cái phụ âm cuối vần: d, h, k, q, qh, qt, qd, l, n, r, t, ng, m (mt, nt, ngt)



LỚP 3

Vần -Tiếng -Từ vựng tiếng Raglai

1. Tạo các vần có 2 chữ cái nguyên âm với các chữ cái phụ âm cuối vần để có các vần như trong bảng sau:

2 chữ cái nguyên âm	Chữ cái phụ âm cuối vần											
	d	h	k	q	qh	qt	qd	l	n	r	t	ng
ao											aotdalaot, malaot, jaot,	
ei											eit beit	
ia	iad apok pitiad		iak riak	iaq hiaq, tingiaq, naiq,		iaqt khiaqt				iar adiar	iat pa amriat, padiat,	iang
ai	aid tasiad			aiq mai								
io		ioh pioh										
iơ			iok ziok								iot khiot	
ou											out ea lout, brout, dout	
uơ		uoh duoh						uol tapuol, vuol				
ui				iuq tisiuq	uiqh mnuiqh						uit vuit	
ue											uet huet	
ua		uah buah, chuah				uaqt canuaqt karei, vruaqt				uar ea kakuar	uat titluat, jruat, sanaut	

2. Tạo các vần có 3 chữ cái nguyên âm với các chữ cái phụ âm cuối vần

Phụ âm cuối	d	h	k	q	qh	qt	qd	l	n	r	t
3 chữ cái nguyên âm											
uei											ueit bueit, ueit
iao											iaot sakiaot
uai											uait guait, đuaít, pruaít,..

3. Tạo từ bằng cách ghép các chữ cái phụ âm đầu với từng vần trên để tạo thành tiếng.

Các chữ cái phụ âm đầu:

- b, c, d, đ, g, h, j, k, l, m, n, p, r, s, t, v, w, y, z (19 chữ cái đơn)
- ch, bh, gh, dh, kh, bl, dl, hl, mh, ng, nh, ph, pl, cr, dr, kr, pr, br, gr, sr, th, tr, tl, vr, vh, vl, jr, zh, zr (29 chữ cái ghép)

Chữ cái phụ âm cuối vần: d, h, k, q, qh, qt, qd, l, n, r, t, ng, m (mt, nt, ngt)

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG VĂN HÓA RAGLAI

Lớp	CHỦ ĐỀ
1	<ul style="list-style-type: none"> - Một số vật nuôi quen thuộc trong gia đình (nhận biết, tên gọi) - Cách xưng hô, chào hỏi trong gia đình.
2	<ul style="list-style-type: none"> - Ẩm thực: Món bắp hầm, thịt nướng than, ...) - Nhà ở truyền thống của người Raglai (giới thiệu nhà sàn)
3	<ul style="list-style-type: none"> - Ẩm thực: Món ăn ngày lễ cúng (canh mít, canh chuối, bông đu đủ, ...) - Giới thiệu 1 trò chơi dân gian quen thuộc, gần gũi (cà kheo, con quay, ...) - Nhạc cụ (Giới thiệu 1 vài nhạc cụ phổ biến quen thuộc của dân tộc): Cha pi, talaker, mã la, đàn đá,.....
4	<ul style="list-style-type: none"> - Một số nghề thủ công truyền thống của dân tộc Raglai: đan gùi, rỏ, rá, ... - Truyện thần thoại/cổ tích về con người tiêu biểu/uy tín/ anh hùng dân tộc/người có công với làng bản. - Tục ngữ, thành ngữ của người Raglai.
5	<ul style="list-style-type: none"> - Những lễ hội tiêu biểu ở cộng đồng làng bản (nhận biết, kể tên): Bỏ mả, báo hiếu, Lễ hội ăn đầu lúa mới - Bảo tồn di tích lịch sử/địa danh văn hoá hoặc (giáo dục ý thức bảo vệ giữ gìn): Bẫy đá Pinăng Tắc, hang X93, hang 403. - Truyện cổ tích về thiên nhiên, xã hội, ... của dân tộc.

PHỤ LỤC 3 PHƯƠNG NGỮ TIẾNG RAGLAI

Sự khác biệt về phương ngữ Raglai giữa các vùng có ảnh hưởng đến việc biên soạn và giảng dạy sách học tiếng Raglai phổ thông trong trường tiểu học. Việc lựa chọn phương ngữ chuẩn hoặc được xem là phổ biến nhất, đồng thời vẫn tôn trọng sự đa dạng phương ngữ là yếu tố then chốt để đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả giáo dục. Sau đây là một số lưu ý:

1. Ảnh hưởng của sự khác biệt phương ngữ

- Khác biệt cấu trúc Âm tiết (Coda): Phương ngữ Khánh Sơn (Bắc) có xu hướng bảo tồn hoặc sử dụng các chữ cái phụ âm cuối phức tạp hơn (d, t, q, qd), trong khi Ninh Thuận (Nam) có xu hướng giản lược hoặc mở âm tiết (kết thúc bằng chữ cái nguyên âm). Nếu chọn phương ngữ Nam làm chuẩn (với âm tiết mở như *sa* - nhà), học sinh phương ngữ Bắc sẽ phải học cách loại bỏ chữ cái phụ âm cuối *d* (từ *sad*). Ngược lại, nếu chọn phương ngữ Bắc, học sinh phương ngữ Nam sẽ gặp khó khăn trong việc phát âm các cụm chữ cái phụ âm cuối như *qd* (ví dụ: *aiqd* - nhiều) hay *qt, qh* vốn ít phổ biến trong giọng nói.

- Mối quan hệ Âm vị - Hình thái giữa Raglai nam Khánh Hòa và Raglai bắc Khánh Hòa: Các ghi chú cho thấy các dấu thanh (huyền, hỏi, ngã) trong cách ghi chép khác tương ứng với sự hiện diện của các chữ cái phụ âm cuối (d, q, qd). Vì thế, cần phải cẩn thận để học sinh không nhầm lẫn sự vắng mặt của dấu thanh trong chính tả chuẩn Raglai với việc không cần phát âm các chữ cái phụ âm cuối phức tạp.

2. Khuyến nghị đối với việc biên soạn sách giáo khoa môn tiếng Raglai

Để giải quyết những khác biệt phương ngữ như trên, cần áp dụng một chiến lược tiêu chuẩn hóa có tính linh hoạt và nhận thức về phương ngữ:

- Chọn phương ngữ được xem là phổ biến nhất: Cần chính thức hóa một phương ngữ Raglai nam Khánh Hòa (Ninh Thuận cũ), nơi bộ chữ Latin đã được

phê duyệt và được sử dụng trong trong dạy thí điểm làm chuẩn để biên soạn sách giáo khoa.

- Tăng cường Luyện tập: cần tập trung vào việc dạy và luyện tập phát âm các chữ cái phụ âm cuối phức tạp như “*d, t, q, qd, qh*” ngay từ đầu, kể cả đối với học sinh ở phương ngữ có xu hướng mở âm tiết (phương ngữ nam Khánh Hòa). Đây là đặc trưng quan trọng của ngôn ngữ Raglai cần được bảo tồn.

Ví dụ: Cần làm rõ rằng khi đọc *sad* (nhà) hay *krod* (sông), chữ cái phụ âm cuối “*d*” phải được phát âm, không được giản lược thành *sa* hay *kro*.

3. Từ vựng về phương ngữ

Sách giáo khoa phải bao gồm một **phụ lục từ vựng** hoặc “**Ghi chú**” ở cuối bài học hoặc sách để giới thiệu các biến thể phương ngữ cho các từ khóa quan trọng.

Ví dụ: Khi dạy từ **Nhà**, ghi: *sad* (bắc Khánh Hòa) /*sa* (nam Khánh Hòa). Khi dạy từ **Sông**, ghi: *krod* (Bắc) /*kro* (Nam).

Điều này giúp học sinh và giáo viên nhận thức và tôn trọng sự đa dạng ngôn ngữ, đồng thời hỗ trợ giao tiếp liên phương ngữ.

4. Tập trung phát triển tài liệu cho giáo viên

Cần phát triển tài liệu hướng dẫn giáo viên chi tiết, giải thích rõ mối liên hệ giữa các biến thể phương ngữ và chính tả chuẩn. Giáo viên cần được bồi dưỡng, tập huấn để:

- Nhận diện và sửa lỗi phát âm chữ cái phụ âm cuối (ví dụ: học sinh đọc **lu** thay vì **aiqd**).

- Giúp học sinh hiểu rằng sự khác biệt trong thể hiện các chữ cái phụ âm cuối trong chính tả Raglai thường là do biến thể ngữ âm giữa các vùng, chứ không phải lỗi chính tả.

Tóm lại, với yêu cầu này, sách giáo khoa có thể duy trì tính thống nhất về mặt chính tả trong khi vẫn đảm bảo sự toàn diện và dễ tiếp thu đối với học sinh từ cả hai vùng phương ngữ.



MỘT SỐ TỪ PHÁT ÂM KHÁC NHAU GIỮA NINH THUẬN - KHÁNH SƠN

Stt	Từ đồng nghĩa khác âm	Phát âm Radlai	
		Ninh Thuận (Phương ngữ Nam)	Khánh Sơn (Phương ngữ Bắc)
1	cảm ơn	ayuh ranam	inzamin
2	xin lỗi	lakou chuah	lakou drei
3	thuốc lá	pakao	pikao/pukao
4	chim đậu	cimt gaot	cimt gat
5	bấp	tangei	gilo
6	buổi	kruait vuk	tlung
7	nhiều	lu	aiqd
8	chậm	lua	pazuei/toutid
9	bà	muqd	moqd
10	muỗng	acumt	achid
11	phòng	adut	awod
12	nuôi	ro	rod
13	thơm, khóm	panaqt	linaqd
14	nhà	sa	sad
15	chồng	u	pisad
16	bàn tay	palad	amud
17	buồng chuối	amud pitei	amuq
18	đế mèn	anaqd rid	riraiq
19	gánh	ano	anot
20	ồ/tổ	sruqd/sod	sruqd
21	nướng	out	ot
22	hỏi	tingiaq	tinha
23	hướng/ phía	garah	gadlo
24	mũ (cái)	salapud	sugot
24	sò (con)	achiat	krad
25	xa	atah	ata
26	bác (gá)	awei prok	awei khong
27	bãi (quảng, sân)	bla	blad
28	xanh	cheng	suet
29	chói	crad	pachaqh
30	ba ba (con)	cupa	tipa
31	cao	dlo	dlod
32	bên trong	daloat	dalat
33	nhanh	drah	anuh



Stt	Từ đồng nghĩa khác âm	Phát âm Radlai	
		Ninh Thuận (Phương ngữ Nam)	Khánh Sơn (Phương ngữ Bắc)
34	mát	draqd	la-ot
35	chảy	dru	drud
36	sương	ea kakuar	hual
37	lắm (rất)	eqd	uan
38	trên (phía trên)	gadlo	gadlod
39	dạo dẫm	ghout	khot
40	chỉ (tay)	khot	ticei
41	lũ lụt	halimq	halit
42	khoai lang	havuei lo	havuei huret
43	ác (hung ác)	haroh	masaqd
44	nguồn (nước)	hulou	vangun
45	tuyên truyền/ kể	ikhad	akhad
46	thô/ thô ráp (bàn tay)	jaerou	thu
47	rau	joat	jat
48	vót ra	jrok	srok
49	bắn / dơ bẩn	jroqd	jah
50	ngày xưa/xưa kia	kađod đih	mukal
51	quả bầu	kadoh	vuluai
52	hái/ngắt	katet	kachet
53	nhờ/ vì	kayua	tika
54	cái mõ	khot	kot
55	tre (cây)	khram	kram
56	dấu vết	kh rung	kh rum
57	sông	kro	krod
58	vỏ cây	kuhnoqd	kuhnoq
59	cô tiên	kumei sulot	kumei silot
60	chui (vào/ ra)	nhul	loat
61	túi (cái)	puk	kaduk
62	to/ lớn	prong	khong
63	tranh (lộp mái)	rala	ralad
64	cầu (cái)	rava	ravad
65	đun/nấu	riat	situt/suvai
66	rậm rạp	riya	kađat
67

PHỤ LỤC 4

QUY LUẬT CHUNG VỀ CHÍNH TẢ TIẾNG RAGLAI

1. Quy luật về thanh điệu (Quy tắc không thanh điệu)

Quy luật quan trọng nhất của tiếng Raglai là hoàn toàn không sử dụng các dấu thanh của tiếng Việt (sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng). Điều này phản ánh tiếng Raglai là ngôn ngữ phi thanh điệu. Người học phải loại bỏ thói quen thay đổi cao độ và đường nét giọng nói để phân biệt nghĩa như trong tiếng Việt, mà tập trung vào trọng âm và trường độ (thường rơi vào âm tiết cuối), được biểu thị bằng chữ cái đơn hoặc ghép.

2. Quy luật về vấu trúc âm tiết

Chính tả Raglai cho phép các âm tiết kết thúc bằng tổ hợp chữ cái cuối từ, cụ thể như:

- 1 chữ cái phụ âm cuối vẫn như: *l* (ví dụ: *Tapuol*), *d* (ví dụ: *kalid*), *h* (ví dụ: *haroh*), và *q* (ví dụ: *maiq*) ở vị trí cuối âm tiết.

- Tổ hợp 2 hoặc 3 chữ cái phụ âm cuối vẫn như: *mt* (*chomt*), *qt* (*panoqt*), và đặc biệt là *qht* (*tanaqht*).

3. Quy luật về viết từ

Tuân thủ nguyên tắc viết tách rời giữa các từ (thường là các âm tiết). Mỗi từ có thể gồm 1 tiếng (âm tiết) hoặc hơn 1 tiếng. Các từ được nhận biết bằng khoảng trống giữa từ với từ.

Ví dụ: *Tapuol kalid Mĩ haroh maiq vhum...*

4. Khuyến nghị

Cần nghiên cứu biên soạn và phát hành tài liệu về Ngữ pháp tiếng Raglai; Từ điển tiếng Raglai để làm cơ sở cho việc thống nhất chữ viết Raglai trong biên soạn sách giáo khoa.

PHỤ LỤC 5

ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA TIẾNG RAGLAI

Tiếng Raglai là ngôn ngữ của dân tộc Raglai, thuộc nhóm ngôn ngữ Chăm (Chamic) trong ngữ hệ Nam Đảo (Austronesian). Tiếng Raglai có quan hệ gần gũi với các ngôn ngữ trong khu vực như Chăm, Êđê, Jarai, đồng thời có những đặc trưng riêng về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và phương thức sử dụng. Việc xây dựng và tổ chức dạy học môn Tiếng Raglai dựa trên các đặc điểm khoa học của ngôn ngữ này, nhằm bảo đảm tính chính xác, tính hệ thống và phù hợp với đặc điểm văn hóa – xã hội của cộng đồng người Raglai.

1. Đặc điểm về ngữ âm và chữ viết

Tiếng Raglai có hệ thống ngữ âm tương đối phong phú, bao gồm các phụ âm và nguyên âm được tổ chức thành một hệ thống ổn định. Hệ phụ âm có sự phân biệt giữa các cặp bật hơi – không bật hơi, hữu thanh – vô thanh, và bao gồm nhiều phụ âm đặc trưng của nhóm ngôn ngữ Chăm. Hệ nguyên âm gồm các nguyên âm đơn và nguyên âm đôi, có sự phân biệt về độ mở, độ dài và vị trí cấu âm. Trọng âm trong tiếng Raglai thường rơi vào âm tiết cuối của từ. Tiếng Raglai không có thanh điệu, do đó cao độ không làm thay đổi nghĩa của từ.

Tiếng Raglai hiện nay sử dụng hệ chữ viết Latinh cải biên, được xây dựng trên cơ sở hệ thống âm vị của ngôn ngữ. Chữ viết phản ánh tương đối chính xác cách phát âm, tạo thuận lợi cho việc dạy học đọc, viết và chuẩn hóa ngôn ngữ trong nhà trường.

2. Đặc điểm về từ vựng và ngữ pháp

Vốn từ vựng tiếng Raglai phản ánh rõ nét điều kiện tự nhiên, phương thức sản xuất, tổ chức xã hội và đời sống văn hóa của cộng đồng người Raglai. Nhiều từ ngữ gắn với môi trường núi rừng, hoạt động sản xuất nương rẫy, quan hệ họ hàng theo dòng mẹ, sinh hoạt tín ngưỡng và lễ hội truyền thống. Nghĩa của từ thường được xác định trong ngữ cảnh sử dụng cụ thể.

Về ngữ pháp, tiếng Raglai thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập. Từ không biến đổi hình thái theo thì, số, ngôi hay giống. Các ý nghĩa ngữ pháp như thời gian, thể, mức độ, phủ định, nghi vấn được biểu đạt chủ yếu bằng phó từ, hư từ hoặc bằng trật

tự từ trong câu. Trật tự từ cơ bản trong câu thường là Chủ ngữ – Vị ngữ – Bổ ngữ. Tuy nhiên, có thể thay đổi tùy theo mục đích giao tiếp; câu hỏi thường được hình thành bằng từ nghi vấn hoặc tiêu từ ở cuối câu.

3. Đặc điểm về yếu tố văn hóa – xã hội gắn với việc sử dụng tiếng Raglai

Tiếng Raglai gắn bó chặt chẽ với đời sống văn hóa và xã hội của cộng đồng người Raglai. Ngôn ngữ được sử dụng để truyền tải tri thức dân gian, luật tục, sử thi, truyện kể, các bài hát và nghi lễ truyền thống. Hệ thống xưng hô và cách sử dụng từ ngữ phản ánh rõ quan hệ dòng họ theo chế độ mẫu hệ, vai vế, tuổi tác và các chuẩn mực ứng xử trong cộng đồng.

Trong bối cảnh hiện nay, tiếng Raglai được sử dụng song song với tiếng Việt trong đời sống xã hội. Do đó, việc dạy học tiếng Raglai trong nhà trường không chỉ nhằm phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ cho người học, mà còn góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Raglai và tăng cường sự gắn kết giữa ngôn ngữ với đời sống cộng đồng.
